



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCL ngày tháng 12 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kiểm định - Hiệu chuẩn**
Laboratory: **Verification - Calibration Laboratory**
Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Thiết bị và Tư vấn Đo đạc xây dựng Sao Việt**
Organization: **Sao Viet Equipment and Consultant Surveying Construction Joint-Stock Company**
Lĩnh vực thử nghiệm: **Đo lường - Hiệu chuẩn**
Field of testing: **Measurement - Calibration**
Người quản lý: **Phan Văn Vạn**
Laboratory manager:
Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Phan Văn Vạn	Các phép hiệu chuẩn được công nhận/ Accreditation calibrations
2.	Khưu Thị Phương Hà	

Số hiệu/ Code: **VILAS 756**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: kể từ ngày /12/2023 đến ngày /12/2026

Địa chỉ/Address: **69 Nguyễn Quý Đức, Khu đô thị An Phú - An Khánh, phường An Phú,
thành phố Thủ Đức, thành Phố Hồ Chí Minh**
**69 Nguyen Quy Duc Street, An Phu – An Khanh Urban area,
An Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City**

Địa điểm/Location: **69 Nguyễn Quý Đức, Khu đô thị An Phú - An Khánh, phường An Phú,
thành phố Thủ Đức, thành Phố Hồ Chí Minh**
**69 Nguyen Quy Duc Street, An Phu – An Khanh Urban area,
An Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City**

Điện thoại/ Tel: **(028) 62960598** Fax: **(028) 62960597**

E-mail: **saoviet@maydodacsaoviet.com** Website: **maydodacsaoviet.com**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS

VILAS 756

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Độ dài**

Field of calibration: **Length**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Máy thủy bình <i>Levels</i>	Độ lệch chuẩn đo cao ^(a) <i>Standard deviation height</i> $\geq 0,7 \text{ mm}$	QT-HCMTB- PHC:2019 (Ref. ISO 17123- 2:2001)	0,6 mm
2.	Máy kinh vĩ <i>Theodolites</i>	Độ chính xác đo góc <i>Accuracy of angle</i> $\geq 1''$	QT-HCMKV- PHC:2019 (Ref. ISO 17123- 3:2001)	1,3 "
3.	Máy toàn đạc điện tử <i>Electronic total stations</i>	Độ chính xác đo góc <i>Accuracy of angle</i> $\geq 1''$	QT-HCMTĐ- PHC:2020 (Ref. ISO 17123- 3:2001; ISO 17123- 4:2012)	1,3 "
		Độ chính xác đo khoảng cách ^(b) <i>Accuracy of distance</i> $\geq (1,5 + 2 \times 10^{-6} \times D) \text{ mm}$ [D]: mm		1,5 mm

Ghi chú/ Notes:

- QT-HCM...: Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory developed methods*
- (a): Độ lệch chuẩn đo cao trên 1 km đo đi đo về/ *Standard deviation for 1 km double-run levelling*
- (b): Thực hiện hiệu chuẩn trên khoảng cách $D < 130 \text{ m}$ / *Calibration with distance $D < 130 \text{ m}$*

(1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*

